

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
					10%					30%	60%	100%		
						1 1								
1	2012719032	Huỳnh Thị Tú	Anh	N20DLK1	8	9	8			8.5	6.3	7.1	Bảy phẩy Một	
2	2013719033	Nguyễn Công	Định	N20DLK1	8	7	7			7.0	5.8	6.4	Sáu phẩy Bốn	
3	2012719037	Đặng Thùy	Dung	N20DLK1	6	6.5	6			6.3	5.8	6.0	Sáu	
4	2012719040	Đỗ Thị Ngân	Hà	N20DLK1	6	6.5	4			5.3	6.8	6.3	Sáu phẩy Ba	6391
5	2012719041	Tôn Nữ Ngọc	Hằng	N20DLK1	6	6	6			6.0	6.0	6.0	Sáu	
6	2013719044	Trần Đình	Huy	N20DLK1	7	7	5.5			6.3	6.0	6.2	Sáu phẩy Hai	
7	2013719047	Nguyễn Đăng	Khánh	N20DLK1	7	7	7			7.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
8	2013719048	Nguyễn Anh	Khoa	N20DLK1	6	6.5	5.5			6.0	6.3	6.2	Sáu phẩy Hai	
9	2013719051	Nguyễn Thành	Long	N20DLK1	6	6	7			6.5	5.5	5.9	Năm phẩy Chín	
10	2013719053	Dương Tấn	Luân	N20DLK1	6	6.5	5.5			6.0	5.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
11	2012719056	Nguyễn Thị Trà	My	N20DLK1	9	9	8			8.5	5.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
12	2013719058	Nguyễn Thế Kỳ	Nam	N20DLK1	6	6	6			6.0	5.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
13	2012719059	Huỳnh Thị Kim	Nga	N20DLK1	6	3	7			5.0	6.8	6.2	Sáu phẩy Hai	
14	2013719063	Lê Nguyễn Kim	Phương	N20DLK1	7	6.5	7			6.8	6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
15	2012719065	Võ Thị Bạch	Phượng	N20DLK1	7	7	6			6.5	6.8	6.7	Sáu phẩy Bảy	
16	2012719068	Lê Bảo	Thanh	N20DLK1	8	7	7			7.0	6.8	7.0	Bảy	
17	2013719070	Nguyễn Văn	Thiện	N20DLK1	6	7	5.5			6.3	5.8	6.0	Sáu	
18	2012719073	Nguyễn Ngọc	Tịnh	N20DLK1	6	6	7.5			6.8	4.8	0.0	Không	
19	2013719076	Phan Minh	Trường	N20DLK1	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
20	2012719077	Phan Nguyễn Mộng	Tuyền	N20DLK1	7	8	8			8.0	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
21	2012719078	Đặng Thị Khánh	Vân	N20DLK1	7	6	7.5			6.8	6.8	6.8	Sáu phẩy Tám	
22	2012719030	Võ Thị Tố	Anh	N20DLK2	7	9	9			9.0	6.3	7.2	Bảy phẩy Hai	
23	2013719034	Phạm Quang	Định	N20DLK2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
24	2013719038	Lê Phúc	Duy	N20DLK2	6	6	7			6.5	7.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
25	2012719042	Hà Thị Minh	Hảo	N20DLK2	8	7	5.5			6.3	7.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
26	2012719043	Nguyễn Mai	Hương	N20DLK2	6	9	5.5			7.3	6.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
27	2012719046	Phạm Ngọc	Khanh	N20DLK2	9	7	7			7.0	8.8	8.3	Tám phẩy Ba	
28	2012719049	Trịnh Thị Thùy	Lâm	N20DLK2	10	8	7.5			7.8	7.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
29	2012719054	Lê Thị Phương	Mai	N20DLK2	9	9	8.5			8.8	7.5	8.0	Tám	
30	2013719060	Trịnh Hữu	Nhân	N20DLK2	6	6	6			6.0	7.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
31	2012719061	Nguyễn Lê Yến	Ni	N20DLK2	8	7	7			7.0	10.0	8.9	Tám phẩy Chín	
32	2013719062	Lê Duy	Pháp	N20DLK2	7	9	7			8.0	8.8	8.4	Tám phẩy Bốn	
33	2013719067	Phạm Văn	Sơn	N20DLK2	8	9	7.5			8.3	8.3	8.3	Tám phẩy Ba	
34	2012719071	Lê Thị Hoài	Thu	N20DLK2	6	8	5			6.5	5.8	6.0	Sáu	36392
35	2012719072	Nguyễn Trần Ninh	Thuận	N20DLK2	10	9	8.5			8.8	10.0	9.6	Chín phẩy Sáu	
36	2013719074	Nguyễn Ngọc	Toàn	N20DLK2	6	6	5			5.5	9.0	7.7	Bảy phẩy Bảy	
37	1913711527	Phạm Nguyễn Minh	Trí	N20DLK2	6	7	7			7.0	6.8	6.8	Sáu phẩy Tám	
38	2012719080	Võ Thị Ngọc	Vi	N20DLK2	6	9	3			6.0	HP	0.0	Không	HP
39	2013719081	Phan Nhật	Vỹ	N20DLK2	6	7	5			6.0	8.8	7.7	Bảy phẩy Bảy	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
40	2012719082	Hồ Thị Hải Yến	N20DLK2	7	8	7.5			7.8	6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
41	1912711472	Mai Như Ngọc	N20DLK2	6	9	5			7.0	V	0.0	Không	
1	1812719209	Phạm Đoan Khánh Quỳnh	N18DLK	2	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, 29720

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	36	86%	
2	Số sinh viên nợ	6	14%	
TỔNG CỘNG :		42	100%	

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2016

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân